

Số: /SCT-QLTM

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

V/v báo cáo nhanh giá một số
mặt hàng thiết yếu ngày 22/8/2024

Kính gửi: Bộ Công Thương

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 1958/BCT-TTTN ngày 08/3/2011 về việc báo cáo hàng ngày về các mặt hàng thiết yếu; Công văn số 2373/BCT-TTTN ngày 01/4/2020 về việc báo cáo tình hình thị trường, giá cả hàng hóa thiết yếu trong tình hình dịch Covid-19.

Sở Công Thương báo cáo nhanh giá một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày 22/8/2024, như sau:

1. Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Biên Hòa (Chợ Biên Hòa)		Long Khánh (Chợ Long Khánh)		Long Thành (Chợ Long Thành)		Tân Phú (Chợ Phương Lâm)	
			Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8	Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8	Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8	Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8
1	Gạo dẻo thơm Long An	1.000đ/kg	19	-	20	0	19	0	20	0
2	Gạo thơm Lài	1.000đ/kg	19	-	20	0	19	0	19	0
3	Gạo ST 25	1.000đ/kg	26	-	26	0	28	0	27	0
4	Gạo nếp Sáp	1.000đ/kg	20	0	20	0	19	0	20	0
5	Gạo nếp Thái	1.000đ/kg	35	-	35	0	35	0	25	0
6	Thịt heo nạc	1.000đ/kg	110	0	90	0	100	0	100	0
7	Thịt heo đùi	1.000đ/kg	100	0	90	0	100	0	100	0
8	Thịt heo ba rọi	1.000đ/kg	145	0	120	0	120	0	140	0
9	Thịt bò phile	1.000đ/kg	320	-	280	0	300	0	280	0
10	Thịt bò bắp	1.000đ/kg	250	0	270	0	280	0	230	0
11	Thịt gà công nghiệp lông trắng	1.000đ/kg	60	-	55	0	43	0	60	0
12	Thịt gà Tam Hoàng (lông màu)	1.000đ/kg	80	0	70	0	65	0	-	0

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Biên Hòa (Chợ Biên Hòa)		Long Khánh (Chợ Long Khánh)		Long Thành (Chợ Long Thành)		Tân Phú (Chợ Phương Lâm)	
			Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8	Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8	Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8	Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8
13	Cá lóc (loại 0,5kg/con)	1.000đ/kg	75	0	65	0	65	0	70	0
14	Cá diêu hồng	1.000đ/kg	75	0	60	0	60	0	65	0
15	Giò lụa	1.000đ/kg	-	-	100	0	200	0	150	0
16	Lạp xưởng Vissan (loại 1)	1.000đ/kg	220	-	200	0	240	0	-	-
17	Mực (loại phổ biến)	1.000đ/kg	180	0	250	0	165	0	200	0
18	Tôm (loại phổ biến)	1.000đ/kg	180	0	180	0	175	0	220	0
19	Bắp cải	1.000đ/kg	20	0	17	0	15	0	10	0
20	Khoai tây	1.000đ/kg	25	0	18	0	22	0	12	0
21	Cà rốt	1.000đ/kg	30	0	14	0	25	0	17	0
22	Bí xanh	1.000đ/kg	20	-	17	0	17	0	12	0
23	Bí đỏ	1.000đ/kg	-	0	16	0	18	0	10	0
24	Đậu xanh (đã chà vỏ)	1.000đ/kg	40	0	48	0	35	0	35	0
25	Trứng gà công nghiệp (loại 1)	1.000đ/chục	30	-	25	0	35	0	24	0
26	Trứng vịt (loại 1)	1.000đ/chục	36	0	35	0	36	0	28	0
27	Sữa ông Thọ	1.000đ/hộp	24	0	25	0	24	0	24	0
28	Đường trắng RE Biên Hòa	1.000đ/kg	28	0	25	0	28	0	-	0
29	Nước mắm Chinsu 500ml	1.000đ/chai	45	0	40	0	43	0	40	0
30	Nước tương Chinsu chai 250ml	1.000đ/chai	12	0	12	0	12	0	15	0
31	Dầu ăn Tường An	1.000đ/lít	43	0	42	0	43	0	45	0
32	Bột ngọt Ajinomoto (450g)	1.000đ/bịch	32	0	33	0	32	0	35	0

2. Giá một số mặt hàng khác

TT	Mặt hàng		Đơn vị tính	Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8
1	Xăng dầu (Liên Bộ Tài chính – Bộ Công Thương)	Xăng E5RON92	đ/lít	20.882	0
		Xăng RON95-III		21.852	0
		Điêzen 0,05S		19.230	0
2	Gas Sài Gòn Petro (12kg/bình) (http://saigonpetro.com.vn/)		đ/bình	429.500	0
3	Gas Petimex (12kg/bình)		đ/bình	443.000	0
4	Muối iot (Tập đoàn muối Ninh Thuận)		1.000đ/kg	6	0
5	Thóc (lúa) (TP Long Khánh, huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)		1.000đ/kg	8,4	0
6	Heo hơi (>80kg/con)	Giá heo hơi chuẩn do Công ty C.P cung cấp	1.000đ/kg	62	0
		Giá heo hơi tại thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu do Đội QLTT số 2 cung cấp		62	0
		Giá heo hơi tại huyện Trảng Bom, huyện Thống Nhất do Đội QLTT số 3 cung cấp		64	0
		Giá heo hơi tại huyện Long Thành, Nhơn Trạch do Đội QLTT số 4 cung cấp		64	0
		Giá heo hơi tại thành phố Long Khánh, huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ do Đội QLTT số 5 cung cấp		63	-2
		Giá heo hơi tại huyện Tân Phú, huyện Định Quán do Đội QLTT số 6 cung cấp		62	0
7	Phân bón (50kg/bao) (Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)	Ure Phú Mỹ	1.000đ/bao	553.3	0
		NPK Đầu trâu		880	0
8	Xi măng (Thành phố Biên Hòa)	Hà Tiên I - 50 kg	1.000đ/bao	103	0
9	Thép (Biên Hoà, Vĩnh Cửu)	Thép (Ø 6 Việt Nhật)	1.000đ/kg	18,3	0
		Thép (Ø 6 Hòa Phát)		17,1	0
10	Thuốc bảo vệ thực vật	Thuốc trừ sâu (loại phổ biến) – Sherpa (huyện Tân Phú, Định Quán)	1.000đ/lọ	45	0
		Thuốc trừ cỏ (loại phổ biến) – SINATE cỏ cháy (huyện Tân Phú, Định Quán)		135	0
11	Thuốc thú y (Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)	Vacxin LMLM – Aftogen Oleo 25 liều	Lọ/50ml/ 25 liều	498	0
		Vacxin cúm gia cầm – H5N1 200 liều	Lọ/100ml/ 200 liều	325	0
12	Thức ăn chăn nuôi (Thương hiệu Cargil loại 25kg/bao) (Trảng Bom, Thống Nhất)	Cám dành cho heo từ tập ăn đến 15kg	1.000đ/bao	475	0
		Cám dành cho heo từ 15 – 30 kg		335	0
		Cám dành cho heo từ 60 kg đến xuất chuồng		325	0
13	Khẩu trang y tế (thành phố Biên Hoà)	Hộp/50 cái (04 lớp)	1.000đ/hộp	40	0

3. Giá một số mặt hàng nông sản

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Ngày 22/8	Tăng, giảm so với ngày 21/8
1	Tiêu	1.000đ/kg	142	+1
2	Cà phê	1.000đ/kg	-	-

4. Đánh giá

a. Giá một số mặt hàng nông sản và một số mặt hàng thiết yếu ngày 22/8/2024 tại các chợ hạng 1 trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định so với ngày trước đó. Riêng giá tiêu tăng 1.000 đồng/kg (từ 141.000 đồng lên 142.000 đồng)

b. Giá heo hơi tại khu vực các huyện: Long Khánh- Xuân Lộc- Cẩm Mỹ do Cục Quản lý Thị trường tỉnh Đồng Nai tổng hợp giảm 2.000 đồng/kg (từ 65.000 đồng xuống 63.000 đồng).

Trên đây là báo cáo tình hình thị trường, giá cả một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày 22/8/2024, Sở Công Thương kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Thống kê;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, QLTM.

SA

TL. GIÁM ĐỐC
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Trần Ngọc Duy